Phật giáo ở Trung Á trước thời kỳ Ả Rập Hồi giáo

ISSN: 2734-9195 15:10 28/05/2026

Vào giữa thế kỷ VII, thời điểm người Ả Rập Hồi giáo tiến vào khu vực, Phật giáo đã hiện diện và lan tỏa rộng khắp Trung Á. Tôn giáo này phát triển mạnh mẽ nhất tại Bactria, Kashmir và lưu vực Tarim

Nhiều thế kỷ trước khi Hồi giáo xuất hiện vào giữa thế kỷ VII, Phật giáo từng là hệ tư tưởng và tôn giáo chiếm ưu thế tại Trung Á. Sự phát triển này diễn ra sôi động dọc theo Con đường Tơ lụa, tuyến huyết mạch giao thương và văn hóa giữa Ấn Độ, thời nhà Hán (Trung Hoa) với Đế chế La Mã và Byzantium (nay là Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ).

Việc điểm lại dấu ấn ban đầu của Phật giáo tại khu vực này là cơ sở quan trọng để thấu hiểu bối cảnh lịch sử mà Hồi giáo đã tiếp quản sau đó.

Địa lý

Xét về phạm vi địa lý hiện tại, các khu vực mà Phật giáo sơ kỳ lan rộng ở Trung Á trong các thời kỳ khác nhau bao gồm:

1. Khu vực Kashmir (do Ấn Độ và Pakistan quản lý).

2. Các thung lũng miền núi phía bắc Pakistan, tiêu biểu như vùng Gilgit.

3. Khu vực Punjab thuộc Pakistan (bao gồm cả Thung lũng Swat) cùng phần phía đông Afghanistan nằm ở phía nam dãy núi Hindu Kush.

4. Khu vực thung lũng sông Amu Darya nằm ở phía bắc dãy Hindu Kush, bao gồm cả vùng Turkistan thuộc Afghanistan (ở phía nam sông Amu Darya) và phần phía nam của Tây Turkistan (thuộc đông nam Uzbekistan và nam Tajikistan).

5. Khu vực Đông Bắc Iran và Nam Turkmenistan.

6. Lưu vực nằm giữa hai con sông Amu Darya và Syr Darya; cụ thể là phần trung tâm của khu vực Tây Turkistan, tương ứng với địa phận phía đông Uzbekistan và phía tây Tajikistan ngày nay.

7. Khu vực trải dài về phía bắc sông Syr Darya; cụ thể là phần bắc Tây Turkistan, tương ứng với địa phận Kyrgyzstan và phía đông Kazakhstan ngày nay.

8. Miền Nam Tân Cương thuộc Khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (phần lãnh thổ nằm trong khu vực Đông Turkistan). Khu vực này trải rộng ở cả hai phía bắc và nam của sa mạc Taklamakan, bao quanh khu vực ngoại vi của lòng chảo Tarim.

9. Khu vực Bắc Tân Cương, nằm giữa dãy núi Thiên Sơn và dãy Altai.

10. Khu tự trị Tây Tạng, tỉnh Thanh Hải, đông nam tỉnh Cam Túc, tây tỉnh Tứ Xuyên và tây bắc tỉnh Vân Nam; toàn bộ khu vực này thuộc chủ quyền của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

11. Khu vực Nội Mông, thuộc Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; cùng với lãnh thổ của Cộng hòa Mông Cổ (Ngoại Mông) và Cộng hòa Buryat thuộc Liên bang Nga.



Bản đồ 1: Trung Á hiện đại

Dưới đây là tên gọi lịch sử các khu vực trọng điểm:

* Vị trí địa lý: Srinagar toạ lạc ở trung tâm Thung lũng Kashmir, trải dài bên hai bờ sông Jhelum và các hồ nước nổi tiếng như hồ Dal, hồ Nigeen.

* Gilgit, thủ phủ và trung tâm hành chính của vùng lãnh thổ tự trị Gilgit-Baltistan ở cực bắc Pakistan. Đây là điểm giao thoa giữa các dãy núi hùng vĩ nhất thế giới và là cửa ngõ lịch sử quan trọng nối liền Nam Á với Trung Á.

* Văn hóa và địa lý vương quốc Gandhāra cổ đại trải dài qua biên giới Pakistan và Afghanistan ngày nay. Các trung tâm đô thị trọng điểm bao gồm Takshashila (thuộc vùng Punjab, Pakistan, gần đèo Khyber) và Kabul (Afghanistan). Đặc biệt, thung lũng Swat trong khu vực này còn được biết đến với tên gọi linh thiêng Oddiyana trong sử liệu.

* Bactria là một vùng văn hóa và lịch sử cổ đại trù phú tại Trung Á, tọa lạc giữa dãy Hindu Kush và sông Oxus. Trung tâm quyền lực và văn hóa của khu vực này đặt tại thành phố Balkh (tương ứng với khu vực Mazar-i-Sharif ngày nay), nơi từng là điểm giao thoa quan trọng của các tuyến đường thương mại Á - Âu.

* Parthia (vùng đất sau này mang tên Khorasan) có trung tâm là thành phố Merv. Phần lãnh thổ này, đôi khi bao gồm cả khu vực miền nam Turkmenistan ngày nay, còn được biết đến với tên gọi lịch sử là Margiana.

* Sogdia (sau này mang tên Ma Wara’an-Nahr hay Transoxiana) là một vùng lõi lịch sử - địa lý quan trọng nằm giữa lưu vực sông Oxus (Amu Darya) và sông Jaxartes (Syr Darya). Trải dài từ tây sang đông, vùng đất này là nơi tập trung các trung tâm đô thị và ốc đảo trù phú bậc nhất, lần lượt là Bukhara, Samarkand, Tashkent và Ferghana, đóng vai trò huyết mạch trên giao lộ giao thương Á - Âu.

* Khu định cư không mang một tên gọi cụ thể, nhưng trung tâm trọng điểm được xác định nằm tại Suyab (tương ứng với di chỉ khảo cổ Ak-Beshim ngày nay), nằm ở khu vực phía nam của hồ Issyk Kul (thuộc Kyrgyzstan hiện đại).

* Các thành phố-nhà nước ốc đảo chính nằm dọc theo rìa phía nam lưu vực Tarim (từ tây sang đông) bao gồm Kashgar, Yarkand, Khotan và Niya. Trong khi đó, nằm dọc theo rìa phía bắc là Kucha, Karashahr và Turfan (Qocho). Hai tuyến đường giao thương này gặp nhau ở điểm cuối phía đông là Đôn Hoàng, Cam Túc, Trung Hoa.

* Thành phố chính của Dzungaria án ngữ tại cửa ngõ phía đông, vượt qua dãy Thiên Sơn từ ngả Turfan, chính là Beshbaliq (Beiting, Pei-t’ing), nằm gần Urumqi (Ô Lỗ Mộc Tề) hiện nay.

* Cơ bản về Lhasa và Tây Tạng, nằm ở chân dãy núi Himalaya, Tây Tạng giáp ranh với nhiều quốc gia như Ấn Độ, Nepal và Bhutan. Khu vực này trải dài trên diện tích khoảng 1,2 triệu km2.

* Thủ phủ Lhasa, được mệnh danh là "Thành phố Ánh Dương" nhờ thời tiết quang đãng. Thành phố nằm trải dài bên bờ sông Lhasa (Kyichu), là nơi giao thoa của lịch sử và tín ngưỡng lâu đời.

* Ý nghĩa văn hóa, nơi đây là trung tâm của Phật giáo Tây Tạng, quy tụ nhiều di sản quan trọng như Cung điện Potala và Chùa Jokhang (Đại Chiêu Tự).

* Mông Cổ (Mongolia) là quốc gia nội lục tại Trung Á, giáp Nga ở phía bắc và Trung Quốc ở phía nam. Nổi tiếng với lối sống du mục, quốc gia này có diện tích 1.565.656 km² nhưng dân số chỉ khoảng 3,3 triệu người, sở hữu mật độ dân số thấp nhất thế giới. Thủ đô là Ulaanbaatar.



Bản đồ 2: Trung Á truyền thống

* "Trung Quốc Hán": Là toàn bộ lãnh thổ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, ngoại trừ các khu vực Cam Túc, Nội Mông, Tây Tạng, Mãn Châu và các vùng miền núi phía nam. Đây là quê hương bản địa của người Hán.

* "Bắc Ấn Độ": Được dùng để chỉ riêng khu vực đồng bằng sông Hằng. Khái niệm này không bao gồm Jammu và Kashmir, Himachal Pradesh, Punjab (Ấn Độ), Rajasthan, cũng như các bang nằm ở phía đông Tây Bengal thuộc Cộng hòa Ấn Độ.

* “Iran”: Bao gồm toàn bộ các vùng lãnh thổ nằm trong biên giới hiện tại của Cộng hòa Hồi giáo Iran. ”Người Ả Rập”: Chỉ cộng đồng dân cư sinh sống trên toàn bán đảo Ả Rập và khu vực miền nam Iraq.

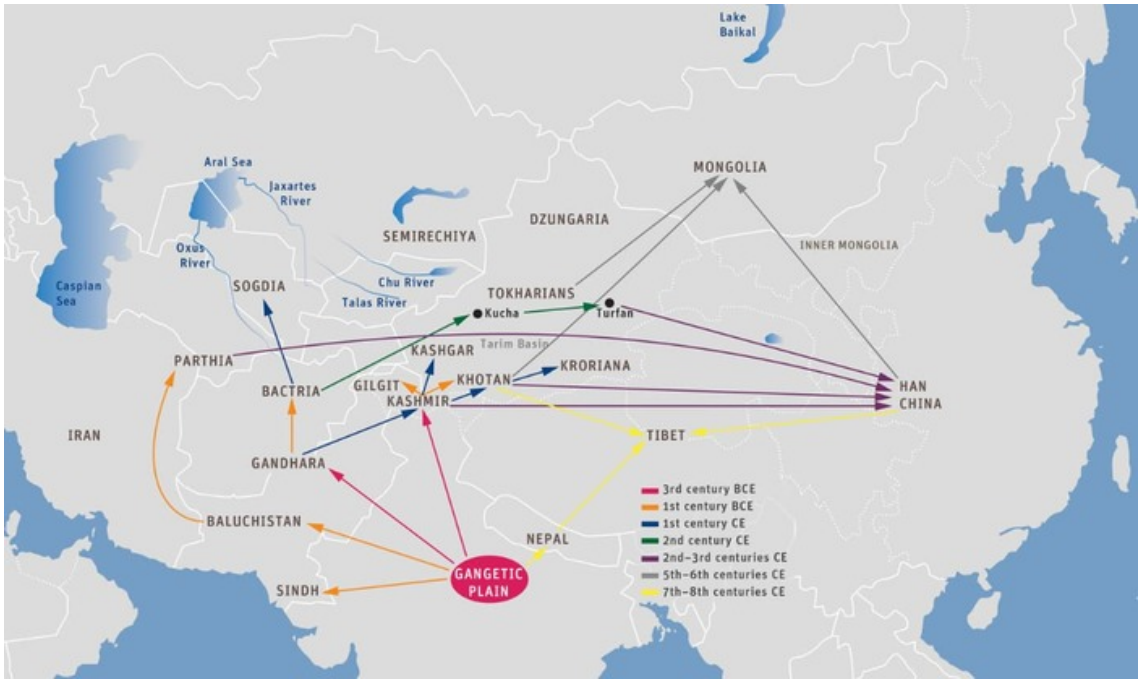
Tây và Đông Turkistan

Mặc dù có nhiều truyền thống ghi chép khác nhau về niên đại của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đa số học giả phương Tây thống nhất rằng Ngài sống trong khoảng thời gian từ năm 566 đến 486 trước Tây lịch. Ban đầu, Ngài giảng dạy phật pháp tại trung tâm đồng bằng sông Hằng thuộc miền bắc Ấn Độ. Sau đó, các đệ tử đã kế thừa và truyền bá những tư tưởng về lòng từ bi, trí tuệ, tự do và bình đẳng của Ngài đến các vùng lân cận, nơi các cơ sở tự viện và tăng đoàn thanh tịnh dần được hình thành.

Thông qua quá trình này, Phật giáo từng bước phát triển thành một hệ thống tôn giáo có tổ chức, bảo tồn và lưu truyền giáo lý bằng phương thức truyền khẩu.

Vào giữa thế kỷ III trước Tây lịch, Phật giáo bắt đầu lan rộng từ miền bắc Ấn Độ đến Vương quốc Gandhāra và Kashmir nhờ những nỗ lực truyền bá của vị vua Phật tử Ashoka thuộc triều đại Mauryan (trị vì 273-232 trước Tây lịch). Hai thế kỷ sau, vào thế kỷ I trước Tây lịch, tôn giáo này tiếp tục thâm nhập vào cả Tây và Đông Turkistan khi mở rộng từ Gandhāra đến Bactria, và từ Kashmir đến Khotan.

Cũng trong giai đoạn này, Phật giáo đã truyền từ Kashmir đến Gilgit, từ miền bắc Ấn Độ đến các vùng Sindh và Baluchistan (Pakistan ngày nay), qua miền đông Iran và tiến đến Parthia. Mặc dù sử liệu Phật giáo truyền thống ghi nhận hai thương nhân từ Bactria là những đệ tử tại gia đầu tiên của đức Phật, nhưng không có bằng chứng lịch sử nào cho thấy họ đã thiết lập Phật giáo tại quê hương mình trong thời kỳ sơ khai đó.



Bản đồ 3: Sự lan rộng của Phật giáo vào Trung Á

Đến thế kỷ I sau Tây lịch, đạo Phật đã thâm nhập sâu rộng hơn vào khu vực Tây Turkistan, lan tỏa từ Bactria đến Sogdia. Trong giai đoạn này, Phật giáo tiếp tục mở rộng dọc theo rìa phía nam của lưu vực Tarim; cụ thể là từ Gandhāra và Kashmir đến Kashgar, đồng thời từ Gandhāra, Kashmir và Khotan tiến đến vương quốc Kroraina tại Niya. Đến thế kỷ IV, do sự khắc nghiệt của tự nhiên, Kroraina dần bị sa mạc hóa và hoang phế, phần lớn cư dân tại đây buộc phải di cư đến vùng Khotan.

Thế kỷ II sau Tây lịch chứng kiến sự lan tỏa của đạo Phật tới rìa phía bắc lưu vực Tarim, nối liền từ Bactria đến các cộng đồng Tocharian tại Kucha và Turfan. Dựa trên các ghi chép lịch sử, người Tocharian ở khu vực này là hậu duệ của người Yuezhi, một sắc dân Kavkaz sử dụng ngôn ngữ Ấn - Âu cổ. Trước đó, vào thế kỷ II trước Tây lịch, một bộ phận người Yuezhi đã di cư về phía tây và lập nghiệp tại Bactria, dẫn đến việc vùng Đông Bactria về sau được xưng tụng là “Tocharistan”. Dù có chung tên gọi, song không tồn tại bất kỳ mối liên hệ nào về mặt chính trị giữa người Tocharian tại Đông Bactria và cộng đồng người Tocharian ở Kucha và Turfan.

Sự hiện diện của văn hóa Iran tại nhiều vùng thuộc Tây và Đông Turkistan - đặc biệt là Bactria, Sogdia, Khotan và Kucha - đã dẫn đến việc Phật giáo Trung Á tiếp thu những đặc tính của Hỏa giáo (Zoroastrian giáo, tôn giáo cổ đại của Iran) ở nhiều mức độ khác nhau. Các yếu tố của Hỏa giáo được tìm thấy trong cả trường phái Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivada) thuộc Phật giáo Nguyên thủy (phát triển mạnh tại Bactria, Sogdia và Kucha) lẫn Phật giáo Đại thừa (chiếm ưu thế tại Khotan).

Nhà Hán Trung Hoa

Từ thế kỷ I trước Tây lịch đến thế kỷ II Tây lịch, nhà Hán đã duy trì mạng lưới đồn trú quân sự để kiểm soát các thành bang, ốc đảo tại lưu vực Tarim. Mặc dù vậy, sự truyền bá Phật giáo vào Trung Hoa đại lục đã không diễn ra trong thời kỳ này. Quá trình tôn giáo hóa chỉ thực sự bùng phát và lan tỏa mạnh mẽ đến Trung Hoa vào các thời kỳ sau, đặc biệt là khi các quốc gia thành bang tại Tây Vực dần thoát khỏi ách thống trị của triều Hán.

Vào giữa thế kỷ II sau Tây lịch, đạo Phật lần đầu tiên được truyền bá vào Trung Hoa dưới thời nhà Hán thông qua các tuyến giao thương từ Parthia. Sau đó, tôn giáo này được lan rộng nhờ sự đóng góp của các tăng sĩ và dịch giả đến từ các vùng trung tâm Phật giáo ở Trung Á, miền bắc Ấn Độ và Kashmir.

Các vị cao tăng Trung Á và Ấn Độ này đã hỗ trợ người Hán phiên dịch kinh điển từ tiếng Phạn và tiếng Gandhari Prakrit sang chữ Hán, mặc dù ban đầu họ vẫn ưa chuộng sử dụng các bản kinh gốc tiếng Ấn Độ cho việc thực hành cá nhân. Do thường xuyên giao thương dọc theo Con đường Tơ lụa, các vị tăng sĩ này đa phần đều thông thạo nhiều ngôn ngữ. Đáng chú ý, trong quá trình dịch thuật và truyền đạo, họ hoàn toàn không truyền bá các yếu tố của Hỏa giáo (Zoroastrianism). Thay vào đó, Phật giáo khi du nhập vào Trung Hoa đã trải qua quá trình bản địa hóa, tiếp thu sâu sắc các giá trị và tư tưởng văn hóa bản xứ của Đạo giáo cùng Nho giáo.

Vào thời kỳ Lục triều (220-589), đế chế Trung Hoa bị chia cắt thành nhiều vương quốc cát cứ, phân định rõ rệt giữa hai miền Nam - Bắc. Trong khi miền Bắc chịu sự xâm lược và cai trị của các triều đại du mục (tiền thân của các dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Tạng, Mông Cổ và Mãn Châu), thì miền Nam vẫn tiếp nối và duy trì nền văn minh Hán truyền thống. Sự phân liệt này dẫn đến hai khuynh hướng Phật giáo khác biệt: ở phương Bắc, giáo lý thiên về tín ngưỡng sùng bái và phục vụ quyền lực thế tục; trong khi ở phương Nam, Phật giáo giữ được tính độc lập và đề cao tinh thần minh triết, triết học.

Do sự thao túng của các quan lại Đạo giáo và Nho giáo - những người đố kỵ với sự hậu thuẫn mà triều đình dành cho các tự viện Phật giáo - tôn giáo này đã phải chịu sự đàn áp tại hai vương quốc miền bắc Trung Hoa từ năm 574 đến 579. Tuy nhiên, cục diện đã thay đổi dưới thời Tùy Văn Đế (trị vì: 581-604), vị hoàng đế đã chấm dứt hơn ba thế kỷ rưỡi chia cắt kể từ thời Hán và thống nhất Trung Hoa, lập nên nhà Tùy (589-618). Tự xưng là Chuyển luân thánh vương (tiếng Phạn: chakravartin, chữ Hán: 轉輪聖王), ông tuyên bố triều đại của mình sẽ xây dựng Trung Hoa thành một cõi Phật giáo tịnh độ (chữ Hán: 世界淨土), từ

đó đưa tín ngưỡng này hưng thịnh lên tầm cao mới. Về sau, dù một số vị Hoàng đế đầu triều đại nhà Đường (618-906) thiên về Đạo giáo, họ vẫn tiếp tục duy trì chính sách ủng hộ và bảo trợ Phật giáo.

Đế chế Đông và Tây Turk

Từ đầu thế kỷ V, đế chế Nhu Nhiên (Ruanruan, thế kỷ IV-555) đã thiết lập sự cai trị trên một vùng lãnh thổ rộng lớn, trung tâm đặt tại Mông Cổ và trải dài từ Quy Từ (Kucha), một vương quốc Phật giáo cổ đại và ốc đảo trù phú nằm trên Con đường tơ lụa đến biên giới Triều Tiên. Nền văn hóa Phật giáo tại đế chế này là sự dung hợp giữa Phật giáo Khotan (chịu ảnh hưởng từ Ba Tư) và Phật giáo Tocharian, sau đó được truyền bá rộng rãi vào khu vực Mông Cổ. Đến năm 551, các bộ tộc Đột Quyết cổ (Göktürk) sinh sống tại Cam Túc - khi đó thuộc phạm vi thống trị của người Nhu Nhiên - đã nổi dậy lật đổ đế chế này. Ngay trong hai năm đầu sau khi thành lập, đế chế Đột Quyết Cổ đã bị phân chia thành hai nửa Đông và Tây.

Các bộ tộc Turk phương Đông khi cai trị Mông Cổ đã tiếp tục duy trì và phát huy truyền thống Phật giáo Khotanese/Tocharian của người Nhu Nhiên (Ruanruan), đồng thời dung hợp tín ngưỡng này với các yếu tố Phật giáo Hán truyền từ miền Bắc Trung Hoa. Với sự hỗ trợ của các tăng sĩ đến từ Bắc Ấn Độ, Gandhāra, Trung Hoa và đặc biệt là cộng đồng Sogdian tại Turfan, họ đã phiên dịch thành công nhiều kinh điển Phật giáo sang tiếng Turk cổ từ đa dạng các ngôn ngữ gốc. Trong quá trình này, các thương nhân Sogdian - vốn là lực lượng chủ chốt trên Con đường Tơ lụa - đã đóng vai trò cầu nối quan trọng nhờ vào đội ngũ tăng sĩ đa ngôn ngữ của họ.

Đặc điểm nổi bật của Phật giáo Thổ Nhĩ Kỳ cổ đại là khả năng thích ứng cao nhằm thu hút tầng lớp nhân dân lao động. Quá trình này được thể hiện qua sự dung hợp các vị thần bản địa, các tín ngưỡng truyền thống và các học thuyết tôn giáo vào giáo lý Phật giáo, cụ thể:

* Tích hợp tín ngưỡng dân gian và pháp sư: Các đoàn tùy tùng, thị tùng của Đức Phật được mở rộng để bao hàm cả các vị thần bản địa, cũng như các nhân vật tín ngưỡng trong truyền thống pháp sư.

* Dung hợp Tengri giáo (Tengrism): Đây là hệ thống tín ngưỡng đa thần truyền thống - tiền Phật giáo - của các dân tộc du mục vùng thảo nguyên Mông Cổ và Trung Á, tập trung vào việc thờ cúng tự nhiên và các đấng tối cao.

* Tiếp biến Zoroastrian giáo: Sự kết hợp các tư tưởng từ Hỏa giáo (Zoroastrian giáo) - hệ thống triết học và tôn giáo chiếm ưu thế tại Ba Tư và Trung Á cổ đại.

Vào thời kỳ đầu, các bộ tộc Turk phương Tây cai trị vùng Dzungaria và miền bắc Tây Turkistan. Đến năm 560, họ giành quyền kiểm soát phần phía tây của Con đường Tơ lụa từ tay người Hung Nô Trắng (Hephthalites). Quá trình này kéo theo sự di cư và mở rộng phạm vi ảnh hưởng dần dà của họ tới Kashgar, Sogdia và Bactria, đồng thời thiết lập sự hiện diện nhất định tại vùng Gandhāra, bao gồm cả khu vực thuộc Afghanistan ngày nay.

Trong suốt tiến trình bành trướng lãnh thổ, phần đông cư dân của họ đã tiếp nhận và thực hành Phật giáo ở Trung Á, đặc biệt là các truyền thống Phật giáo được tiếp biến từ chính những vùng đất mà họ đã chinh phục.

Tình hình Phật giáo ở Tây Turkistan vào thời điểm người Tây Turk xâm chiếm

Nhiều thế kỷ trước làn sóng di cư của các bộ tộc Thổ Nhĩ Kỳ phương Tây, Phật giáo từng phát triển hưng thịnh tại miền trung và nam Tây Turkistan. Nền tảng này được vun đắp dưới sự cai trị liên tiếp của các triều đại Hy Lạp - Bactria, vương quốc Shaka, Kushan, đế quốc Sassanid Ba Tư và Bạch Hung.

Trong chuyến hành hương đến Ấn Độ từ năm 399 đến 415, Cao tăng Pháp Hiển (chữ Hán: 法顯; 337- 422), dịch giả Phật giáo nổi tiếng thời Đông Tấn - đã ghi nhận sự tồn tại của hệ thống các tu viện hoạt động rất sôi động trong khu vực. Tuy nhiên, khoảng một thế kỷ rưỡi sau đó, khi các bộ tộc Thổ Nhĩ Kỳ phương Tây tiến vào, họ chứng kiến Phật giáo đang trên đà suy thoái nghiêm trọng, đặc biệt là tại Sogdia. Các dữ liệu lịch sử cho thấy sự tàn lụi này diễn ra rõ nét nhất dưới thời kỳ cai trị của đế quốc Bạch Hung.

Đa số người Bạch Hung (Hephthalite) vốn là những tín đồ Phật giáo nhiệt thành. Điển hình là vào năm 460, quốc vương của họ đã cúng dường một mảnh áo cà sa của Đức Phật - thỉnh từ Kashgar, ốc đảo và thành phố cổ hơn 2.000 năm tuổi thuộc Tân Cương - làm xá lợi cho một triều đình ở miền bắc Trung Hoa. Tuy nhiên, đến năm 515, Mihirakula (trị vì 515–533 Tây lịch), vị quốc vương thứ hai và cũng là người cuối cùng của Đế quốc Bạch Hung tại Ấn Độ, đã phát động một cuộc đàn áp Phật giáo. Sự kiện này được cho là do ảnh hưởng từ các phe phái Đạo Mani, Đạo Nestorius và Kitô giáo trong triều đình, những thế lực mang tâm lý đố kỵ với Phật giáo. Những thiệt hại nặng nề nhất tập trung tại Gandhāra, Kashmir và tây bắc Ấn Độ, đồng thời cũng lan rộng đến Bactria và Sogdia ở mức độ hạn chế hơn.

Vào khoảng năm 630, khi nhà sư hành hương nổi tiếng Tam Tạng Pháp sư Trần Huyền Trang đến thăm Samarkand, kinh đô của Tây Đột Quyết tại Sogdia, ngài

ghi nhận rằng mặc dù có nhiều Phật tử tại gia, nhưng các tín đồ Hỏa giáo (Zoroastrian giáo) địa phương lại tỏ ra thù địch với họ. Hậu quả là hai tu viện Phật giáo chính đều bị bỏ trống và đóng cửa.

Tuy nhiên, trước đó vào năm 622, Thống Diệp Hộ Khả Hãn (Tongshihu Qaghan), vị quân chủ Tây Đột Quyết cai trị vùng này, đã chính thức quy y Tam bảo dưới sự hướng dẫn của Prabhākaramitra (564-633 Tây lịch) - một cao tăng kiêm dịch giả Phật giáo Ấn Độ đến từ Học viện Phật giáo Nālandā. Theo đó, Tam Tạng Pháp sư Trần Huyền Trang đã khuyến khích nhà vua cho mở cửa trở lại các tu viện đang bị bỏ hoang gần thành phố và xây dựng thêm nhiều tu viện mới.

Các vị quốc vương cùng thế hệ kế vị đã tuân theo lời giáo huấn của các cao tăng Phật giáo Trung Hoa để khởi dựng hàng loạt tu viện mới trên vùng đất Sogdia. Không chỉ tập trung tại Samarkand, hệ thống tự viện này còn được mở rộng đến thung lũng Ferghana và khu vực miền tây Tajikistan ngày nay.

Bên cạnh đó, triều đình cũng thúc đẩy sự giao thoa văn hóa, truyền bá tư tưởng Phật giáo nhất thể hóa giữa Sogdia và Kashgari về hướng bắc Tây Turkistan. Tại khu vực này, nhiều ngôi chùa mới đã được kiến thiết tại thung lũng sông Talas (miền nam Kazakhstan), thung lũng sông Chu (tây bắc Kyrgyzstan) và vùng Semirechiye (đông nam Kazakhstan, lân cận thành phố Almaty hiện nay).

Trái ngược với tình hình tại Sogdia, Tam Tạng Pháp sư Trần Huyền Trang ghi nhận sự hưng thịnh của nhiều tự viện Phật giáo tại Kashgar và Bactria - hai trung tâm lớn chịu sự kiểm soát của Tây Thổ. Cụ thể, Kashgar có hàng trăm tu viện với khoảng một vạn tăng sĩ, trong khi số lượng tại Bactria khiêm tốn hơn. Nổi bật nhất khu vực là tu viện Nava Vihara (tên khác: Nawbahar, Nowbahar) tại Balkh, đô thị trung tâm của Bactria. Đây từng là trung tâm học thuật Phật giáo bậc cao quan trọng của toàn Trung Á, quản lý hệ thống các tu viện vệ tinh trải dài từ Bactria đến Parthia.

Hoạt động như một viện nghiên cứu học thuật, tu viện Nava Vihara chỉ tiếp nhận những vị tăng sĩ có biên soạn các tác phẩm uyên bác. Nơi đây nổi tiếng với những tôn tượng Phật tuyệt mỹ, được khoác lên mình pháp y bằng lụa thượng hạng và trang hoàng lộng lẫy bằng nhiều bảo vật quý giá, mang đậm dấu ấn phong tục Hỏa giáo (Zoroastrian) tại địa phương.

Ngôi tu viện này có mối liên hệ mật thiết với vương quốc Khotan, nơi đã đón nhận nhiều bậc giảng sư Phật học từ Nava Vihara đến truyền đạo. Theo ghi chép của Tam Tạng Pháp sư Trần Huyền Trang trong tác phẩm “Đại Đường Tây Vực Ký” (chữ Hán: 大唐西域記), tập ký sự mô tả hành trình 19 năm thỉnh kinh và du hành (629-648) của Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang, Khotan vào thời

bấy giờ là một trung tâm Phật giáo hưng thịnh với một trăm ngôi chùa và năm nghìn vị tăng sĩ.

Sự suy tàn của Hãn quốc Đột Quyết Tây (Western Turkic Khaganate)

Vào giữa thế kỷ VII, sự kiểm soát của người Turk phương Tây tại các khu vực Tây và Đông Turkistan bắt đầu suy yếu. Sự chuyển giao quyền lực diễn ra đầu tiên tại Bactria, khi vùng đất này rơi vào tay người Turki Shahis - một tộc người Turkic theo Phật giáo đang cai trị vương quốc Gandhāra.

Qua các ghi chép của Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang, tình hình Phật giáo tại Vương quốc Gandhāra được nhận định là còn tồi tệ hơn so với Bactria, dù trước đó người Turk phương Tây từng lập một tu viện Phật giáo tại Kapisha (phía bắc Kabul) vào năm 591.

Một trong những trung tâm hành hương linh thiêng bậc nhất của thế giới Phật giáo lúc bấy giờ là tu viện Nagara Vihara, nằm ở bờ bắc sông Kabul (phía nam Jalalabad ngày nay). Nơi đây lưu giữ xá lợi đỉnh đầu (sọ) của Đức Phật. Tuy nhiên, sự suy đồi đã len lỏi vào giới tu sĩ. Các nhà sư tại tu viện đã thương mại hóa tín ngưỡng, áp dụng việc thu phí mỗi người hành hương một đồng tiền vàng để được chiêm bái xá lợi. Đáng chú ý, toàn bộ khu vực này đã hoàn toàn thiếu vắng các trung tâm nghiên cứu và học thuật Phật giáo.

Tại khu vực Punjab, giới tăng lữ chỉ duy trì các nghi thức hành trì bề ngoài mà gần như không còn nắm vững giáo lý đạo Phật. Điển hình như tại thung lũng Swat (Oddiyana), Tam Tạng Pháp sư Trần Huyền Trang đã ghi nhận tình trạng hoang tàn của nhiều tu viện Phật giáo. Ở những ngôi chùa còn hoạt động, các nhà sư chủ yếu cử hành nghi lễ cầu nguyện năng lực siêu nhiên để được bảo hộ, hoàn toàn vắng bóng truyền thống tu học Phật pháp và thực hành thiền định.

Vào đầu thế kỷ VI (thời Bắc Ngụy), Cư sĩ Tống Vân (宋雲) - một viên quan và nhà chiêm bái Phật giáo nổi tiếng người Đôn Hoàng - đã đến thăm thung lũng Swat vào năm 520. Chuyến đi này diễn ra chỉ 5 năm sau cuộc đàn áp tôn giáo của Mihirakula (trị vì 515-550 CN), vị vua thứ hai và cũng là quốc vương cuối cùng của đế quốc Bạch Hung Nô (Hephthalite) tại Ấn Độ. Theo ghi chép của Cư sĩ Tống Vân, các tu viện Phật giáo trong vùng vẫn rất hưng thịnh vào thời điểm đó. Nguyên nhân là do vị quân chủ Bạch Hung Nô đã không thực thi triệt để các chính sách bài xích Phật giáo tại những vùng lãnh thổ hẻo lánh.

Tuy nhiên, sự suy tàn của các tu viện tại Swat sau đó bắt nguồn từ các trận động đất và lũ lụt nghiêm trọng xảy ra giữa hai chuyến viếng thăm của các nhà hành hương Trung Hoa. Việc thung lũng trở nên hoang tàn, nghèo đói cùng với sự đứt gãy của tuyến giao thương qua ngả Gilgit đến Đông Turkistan đã cắt đứt hoàn toàn nguồn viện trợ kinh tế và cô lập Phật giáo Swat khỏi các trung tâm văn hóa khác. Hậu quả là những tàn dư của giáo lý đạo Phật dần bị hòa trộn và thay thế bởi các tín ngưỡng mê tín cùng những thực hành pháp sư bản địa.

Vào năm 650, Đế quốc Tây Turk tiếp tục suy yếu và thu hẹp lãnh thổ sau khi để mất Kashgar vào tay nhà Đường - triều đại không ngừng mở rộng bờ cõi kể từ khi thành lập vào năm 618. Trước đó, quân Đường đã kiểm soát thành công vùng Mông Cổ từ tay Đông Turk, tiến đến sáp nhập các thành bang dọc theo rìa phía bắc lưu vực Tarim. Đứng trước sức ép quân sự ngày càng lớn từ nhà Đường cùng sự bất lực của Đế quốc Tây Turk trong việc bảo vệ lãnh thổ, cả Kashgar và vương quốc Khotan độc lập ở rìa phía nam đều quyết định đầu hàng trong hòa bình.

Tây Tạng

Vào quý hai của thế kỷ VII, các bộ tộc Tây Tạng đã hoàn tất công cuộc thống nhất đất nước. Tán Phổ (Hoàng đế) Songtsen Gampo (617-649/650) - vị quân chủ vĩ đại thứ 33 của vương triều Yarlung – chính là người sáng lập và mở rộng Đế quốc Thổ Phồn, tạo nên một vùng lãnh thổ trải dài từ Bắc Miến Điện đến biên giới nhà Hán và Khotan; đồng thời đặt Nepal, khi ấy chỉ giới hạn trong thung lũng Kathmandu, làm chư hầu.

Sau khi củng cố đế chế, vào cuối những năm 640, Vua Songtsen Gampo đã du nhập Phật giáo vào Tây Tạng. Tuy nhiên, tôn giáo này thời kỳ đầu chỉ được truyền bá trên quy mô rất hạn chế, mang đậm dấu ấn pha trộn giữa các yếu tố văn hóa từ nhà Đường, Nepal và Khotan. Quá trình bành trướng lãnh thổ tiếp tục được đẩy mạnh khi quân Tây Tạng chiếm thành công Kashgar từ nhà Đường vào năm 663. Cũng trong năm đó, đế quốc này đã thiết lập quyền cai trị tại Gilgit và Hành lang Wakhan, nối liền vùng Tây Tạng ở phía tây với Bactria ở phía đông.

Ấn Độ vùng đồng bằng sông Hằng

Phật giáo đã cùng tồn tại và phát triển hài hòa cùng Ấn Độ giáo và Kỳ Na giáo tại lưu vực sông Hằng (miền bắc Ấn Độ) từ những giai đoạn đầu. Kể từ thế kỷ IV Tây lịch, truyền thống Ấn Độ giáo bắt đầu tôn vinh Đức Phật như một trong mười hóa thân (avatara) của thần Vishnu. Ở phương diện tín ngưỡng đại chúng,

nhiều người theo Ấn Độ giáo có cái nhìn giao thoa, xem Phật giáo như một hệ tư tưởng tương đồng.

Các triều đại hoàng đế thuộc thời kỳ Gupta I (320-500) đã duy trì chính sách bảo trợ bình đẳng đối với cả hai tôn giáo. Họ đầu tư xây dựng nhiều trung tâm giáo dục, nơi các học thuyết và triết học được tranh biện sôi nổi, nổi bật nhất là Đại học Phật giáo Nālandā tại bang Bihar ngày nay.

Nhà nước cũng tạo điều kiện cho các cộng đồng Phật giáo nước ngoài tiếp cận các thánh tích Phật giáo. Điển hình, Hoàng đế Samudragupta (trị vì 335-380) - nhà quân sự kiệt xuất của Đế quốc Gupta - đã cho phép Quốc vương Meghavanna của Sri Lanka (trị vì 362-409) xây dựng Tu viện Mahabodhi tại Bodh Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng), nơi đánh dấu sự kiện Đức Phật giác ngộ.

Vào thế kỷ VI, vương quốc Gandhāra và phần phía tây miền bắc Ấn Độ nằm dưới sự cai trị của người Bạch Hung (Hephthalite). Dưới thời Mihirakula (trị vì 515-550 Tây lịch) - vị vua thứ hai và cũng là quốc vương cuối cùng của đế quốc này tại Ấn Độ - nhiều tu viện Phật giáo đã bị tàn phá. Sự tàn phá này lan đến tận Kaushambi (Kosambi), một trung tâm Phật giáo cổ đại nằm cách Allahabad (bang Uttar Pradesh ngày nay) không xa về phía tây.

Mặc dù các hoàng đế triều đại Gupta II (cuối thế kỷ VI - 750 Tây lịch) đã nỗ lực khắc phục những hậu quả trên, nhưng khi Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang đến chiêm bái, ngài vẫn chứng kiến nhiều tu viện ở phía tây Kaushambi trong tình trạng hoang tàn. Trong khi đó, các trung tâm Phật giáo ở vùng Magadha (Ma-kiệt-đà) phía đông vẫn phát triển hưng thịnh. Tiêu biểu có thể kể đến Nālandā, trung tâm học thuật bậc cao vĩ đại thuộc tiểu bang Bihar ngày nay, và Tháp Đại Giác (Mahabodhi) tại Bồ Đề Đạo Tràng (Bihar) - một trong bốn thánh địa linh thiêng nhất của Phật giáo.

Hoàng đế Harsha (trị vì 606-647), vị quân chủ kiệt xuất của triều đại Pushyabhuti (Vardhana), là người đã thống nhất phần lớn miền Bắc Ấn Độ sau sự sụp đổ của Đế quốc Gupta. Không chỉ là một Phật tử thuần thành, ông còn được tôn vinh là nhà bảo trợ đắc lực nhất và là một trong những vị vua Phật giáo vĩ đại cuối cùng trong lịch sử Ấn Độ. Theo ghi chép lịch sử, nhà vua từng phát tâm bảo trợ cho 1.000 vị tu sĩ đang nghiên cứu chuyên sâu tại Đại học Phật giáo Nālandā. Lòng tôn kính Phật pháp của Hoàng đế Harsha sâu sắc đến mức, tương truyền rằng trong lần đầu diện kiến Tam Tạng Pháp sư Trần Huyền Trang, ông đã hạ mình cúi lạy dưới chân (Charan Sparsh) nhà sư theo truyền thống Ấn Độ giáo để bày tỏ lòng tri ân và sự ngưỡng mộ bậc cao tăng.

Vào năm 647, Arjuna - một quan viên địa phương người Darad (vùng Kashmir) có tư tưởng bài xích Phật giáo - đã lợi dụng khi Hoàng đế Harsha băng hà để tiếm quyền tại miền bắc Ấn Độ. Khi phái bộ ngoại giao nhà Đường do một nhà ngoại giao, quan viên đồng thời là một cư sĩ mộ đạo Phật nổi tiếng dưới thời nhà Đường (Trung Hoa), Cư sĩ Vương Huyền Sách dẫn đầu đi qua khu vực này, Arjuna đã ra lệnh tấn công, cướp bóc và giết hại hầu hết đoàn tùy tùng.

Cư sĩ Vương Huyền Sách (王玄策), đã may mắn trốn thoát sang Nepal. Tại đây, ông cầu viện Tán Phổ Tùng Tán Cán Bố (Songtsen Gampo) - vị vua kiệt xuất của triện đại Thổ Phồn (Tây Tạng). Nhờ sự hỗ trợ của các lực lượng chư hầu Nepal, liên quân Tây Tạng đã tiến đánh Ấn Độ, đánh bại và bắt giữ Arjuna, qua đó khôi phục trật tự và bảo vệ quyền cai trị của triều đại Gupta. Nhờ biến cố này, Phật giáo tiếp tục được bảo tồn và phát triển mạnh mẽ tại miền bắc Ấn Độ.

Kashmir và Nepal

Tại Kashmir, Nepal cũng như miền bắc Ấn Độ, Phật giáo từng phát triển mạnh mẽ ngay cả trong các quốc gia chủ yếu theo Ấn Độ giáo. Theo ghi chép của Tam Tạng Pháp sư Trần Huyền Trang, Phật giáo tại Kashmir phần lớn đã phục hồi sau cuộc đàn áp của vua Mihirakula, đặc biệt nhờ vào sự bảo trợ của triều đại Karkota mới thành lập (630-856).

Ngược lại, Nepal đã thoát khỏi sự cai trị của người Hung Trắng. Các vị vua triều đại Licchavi (386-750) luôn duy trì sự ủng hộ không gián đoạn đối với Phật giáo. Năm 643, Tán phổ (hoàng đế) Tây Tạng là Songtsen-gampo (Tùng Tán Cán Bố) đã lật đổ Vishnagupta - kẻ tiếm quyền của triều đại này - và phò tá Narendradeva, người thừa kế hợp pháp đang tị nạn tại Tây Tạng, lên ngôi vua Nepal. Sự kiện chính trị này hầu như không làm thay đổi tình trạng phát triển của Phật giáo tại thung lũng Kathmandu. Về sau, để củng cố mối quan hệ bang giao, Songtsen-gampo đã kết hôn với công chúa Bhrkuti của vương triều Licchavi, con gái của vua Narendradeva (trị vì 643-679).

Kết luận

Vào giữa thế kỷ VII, thời điểm người Ả Rập Hồi giáo tiến vào khu vực, Phật giáo đã hiện diện và lan tỏa rộng khắp Trung Á. Tôn giáo này phát triển mạnh mẽ nhất tại Bactria, Kashmir và lưu vực Tarim; có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhưng sự thấu hiểu của quần chúng còn hạn chế tại vương quốc Gandhāra (thuộc tây bắc Nam Á); mới được truyền bá vào Tây Tạng; và đang trong giai đoạn hồi sinh mạnh mẽ tại Sogdia.

Tuy nhiên, bức tranh tôn giáo tại Trung Á khi đó mang tính đa nguyên sâu sắc. Ngoài Phật giáo, khu vực này còn là nơi giao thoa của nhiều truyền thống tín ngưỡng khác như Hỏa giáo (Zoroastrianism), Ấn Độ giáo, Ma Ni giáo (Manichaeism), Do Thái giáo và Kitô giáo Nestorian. Bên cạnh đó, các hệ thống tín ngưỡng bản địa nguyên thủy như Shaman giáo, Tengrism, hệ thống tín ngưỡng cổ xưa của các dân tộc du mục Trung Á và thảo nguyên Á-Âu như người Turk và Mông Cổ và các hình thức tín ngưỡng vô tổ chức khác cũng chiếm vai trò quan trọng.

Tại các vùng giáp ranh Trung Á, chẳng hạn như miền bắc Ấn Độ, Nepal và Trung Quốc thời nhà Hán, Phật giáo giữ vị thế hưng thịnh và các cộng đồng tín đồ đã chung sống hòa bình với những hệ tư tưởng, tôn giáo bản xứ như Đạo giáo, Nho giáo, Ấn Độ giáo và Kỳ Na giáo.

Trước thềm cuộc bành trướng của người Ả Rập Hồi giáo vào Trung Á, cục diện địa chính trị khu vực được phân định rõ rệt. Các vương quốc Gandhāra và Bactria nằm dưới sự trị vì của các quân vương Turk, trong khi các bộ lạc Tây Turk kiểm soát Sogdia và phần phía bắc Tây Turkistan. Về phía đông, Tây Tạng nắm giữ vùng Gilgit và Kashgar. Nhà Đường của Trung Hoa kiểm soát phần còn lại của lưu vực Tarim cũng như khu vực Mông Cổ, nơi thế lực của người Đông Turk tạm thời bị khuất phục và đặt dưới quyền cai trị của triều đình phong kiến Trung Hoa.

Tác giả: **Alexander Berzin**/Việt dịch: **Thích Vân Phong**
Nguồn: https://studybuddhism.com/en/advanced-studies/history-culture/buddhism-islam-advanced/buddhist-muslim-interaction-umayyad-caliphate/buddhism-in-central-asia-before-the-advent-of-the-arabs